

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huân

2. Ông Tạ Văn Đức

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã X Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quang C, sinh năm 1988(vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ L, xã Đ V, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03 tháng 11 năm 2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang C kết hôn ngày 15 tháng 10 năm 2012 tại UBND xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh C. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Tháng 12 năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày và anh C không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 10 năm 2015, vợ chồng mâu thuẫn càng tăng và ly thân cho đến nay. Chị về gia đình bố mẹ để chị ở từ đó

cho đến nay, tại thôn N, xã X Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Thị Hoài Linh, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2013, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu Linh, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh C không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn anh Trần Quang C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh C không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh C không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do chị H cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của cháu Trần Thị Hoài Linh. Cháu Linh có nguyện vọng được ở với chị H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn không đến làm việc cũng không cung cấp bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án mặc dù đã biết được thông báo thụ lý, cũng như giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Quang C; về con chung: Giao cháu Trần Thị Hoài Linh cho chị H nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Trần Quang C có nơi cư trú tại thôn Đ L, xã Đ V, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Trần Quang C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của anh C và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 16/3/2021, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Lê Thị Liên là mẹ đẻ anh C và bà Liên cam đoan thông báo ngay cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho bà Lê Thị Liên và bà Liên cam đoan thông báo ngay cho anh C. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Quang C là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của chị H và anh C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị H cương quyết xin ly hôn còn anh C vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày và anh C không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 10/2015, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân cho đến nay. Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị Liên là mẹ đẻ của anh C xác định khoảng cuối năm 2014, chị H và anh C mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày và anh C không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 10 năm 2015, chị H và anh C mâu thuẫn căng thẳng nên chị H bỏ về gia đình bố mẹ đẻ chị ở cho đến nay và vợ chồng chị H, anh C ly thân luôn từ đó. Anh C vẫn thường xuyên đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về gia đình. Hiện nay, anh C đi làm ăn ở xa còn cụ thể ở đâu thì bà Liên không biết nhưng anh C vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc với bà Liên. Anh C biết việc Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh C nhưng anh C không đến Tòa án để giải quyết. Anh C có nói với bà Liên là anh C đồng ý ly hôn và đồng ý để chị H nuôi con, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh C cũng thể hiện khoảng tháng 10 năm 2015, chị H đã rời khỏi địa phương, không sống tại gia đình anh C nữa. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không biết. Như vậy, có thể

kháng định vợ chồng chị H, anh C mâu thuẫn căng thẳng, chị H không ở cùng gia đình anh C từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay. Anh C biết việc Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh C nhưng anh C cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa chị H và anh C không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng chị H, anh C có 01 con chung là cháu Trần Thị Hoài Linh, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2013, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Cháu Linh cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Anh C thường xuyên đi làm xa. Anh C biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị H với anh nhưng anh C không vâng lời cần chấp nhận yêu cầu của chị H để giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị H xác nhận không có.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh C vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Trần Quang C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Quang C.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Trần Thị Hoài Linh, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Quang C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Trần Quang C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000273 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh Trần Quang C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Huân

Tạ Văn Đức

Nguyễn Thanh Thảo